

Những Ngôi Chùa Cổ

1. Chùa Kim Liên - ngôi chùa cổ nổi tiếng của đất kinh kỳ

"Chùa ở làng Nghi Tàm, xã Quảng An, huyện Từ Liêm. Nguyên xưa là chùa Đồng Long, dựng từ thời nhà Trần (1225-1413) trên cái nền nhà cũ, nơi công chúa Từ Hoa, con gái Lý Thần Tông ra đời. Sau chỗ này lập trại trồng dâu nuôi tằm nên gọi là làng Nghi Tàm. Năm Dương Hòa thứ 5 (1639), chùa được tu sửa lại, gọi là chùa Đại Bi. Đến năm Lê Cảnh Hưng thứ 32 (1771), lại có cuộc trùng tu, và chùa mang tên Kim Liên. Chùa được đại tu vào năm 1792 và trùng tu nhiều lần về sau. Chùa hiện nay là di sản nghệ thuật kiến trúc thời Tây Sơn...". (Võ Văn Tường: Việt Nam danh lam cổ tự, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr 393)

"Bên bờ hồ Mù Sương giáp liền bờ sông Cái, trại tằm lớn của Kinh thành. Ngàn dâu xanh ngắt một màu chạy suốt dọc bờ đê. Những ngôi nhà tằm, ở đó vất vả đêm ngày những "tang thất phụ", những phụ nữ có tội phải làm lao dịch hái dâu chăn tằm, kéo kén, ươm tơ để cung nữ dệt lụa là gấm vóc. Giữa khu nhà tranh mọc lên cung Từ Hoa mái ngói vàng chanh. Công chúa Từ Hoa nhân từ và mặt đẹp như hoa chán cảnh cung đình tẻ nhạt, nằng nặc xin vua cha Lý Thần Tông ra ở trại ngoài, chăn tằm, sướng khổ với đàn bà bị tội khổ sai. Ngày công chúa qua đời thì cung Từ Hoa cũng trở thành ngôi chùa công của phường Nghi Tàm, với kiểu kiến trúc là lạ...". (Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán: Hà Nội nghìn xưa, NXB Sở Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1975, tr 156)

"Đây là chùa Kim Liên, còn có tên là chùa Đồng Long, nhưng tên cũ là chùa Từ Hoa. Nguyên con gái Lý Thần Tông (thế kỷ 13) (1) là nàng Từ Hoa, ra tu ở đó, nên vua sai làm cung cho ở. Có người lại nói là vua sai ra học nuôi tằm. Đến các đời sau, lại có những quan thị và những phi tần ra ở, hóa ra trong chùa có tượng một thái giám (có người cho đó là tượng chúa Trịnh) và chùa cũng được vua chúa sửa sang. Có thể nói Kim Liên là ngôi chùa cổ và đẹp nhất vùng Tây Hồ...". (Hoàng Đạo Thúy: Thăng Long Đông Đô Hà Nội, NXB Hội Văn Nghệ, Hà Nội, 1971, tr 35)

Ba lời giới thiệu chùa Kim Liên gần giống nhau. Cả ba cùng nói đến công chúa Từ Hoa, con vua Lý Thần Tông. Nhưng cũng khác nhau ở một điểm: Võ Văn Tường cho rằng chùa được xây về đời Trần, trên cái nền nhà cũ nơi công chúa Từ Hoa ra đời. Trần Quốc Vượng và Hoàng Đạo Thúy thì lại cho rằng chùa có từ đời Lý, do cung Từ Hoa sửa chữa tạo thành. Hai tác giả này còn cho biết thêm là công chúa Từ Hoa ra ở nơi đây để "chăn tằm, sướng khổ với đàn bà bị tội khổ sai" hoặc cũng có thể "ra tu ở đó, nên vua sai làm cung cho ở".

Đọc ba lời giới thiệu này tôi thích quá. "Em là ai, cô gái hay nàng tiên?" (Tổ Hữu). Xin phép được phạm thượng... mê công chúa Từ Hoa. Vừa đẹp người, vừa đẹp nét. "Nhân từ, mặt đẹp như hoa" lại còn thích gần gũi đám dân bị tội khổ sai. Biết đâu trong đám dân lam lũ đó lại chả có cả tổ tiên mấy chục đời của tôi?

Mê công chúa Từ Hoa, tôi đâm ra mến lây cả vua cha Lý Thần Tông. Chắc hẳn đây phải là một ông vua đức độ, một vị minh quân.

Tôi háo hức lật "Đại Việt sử ký toàn thư" của Ngô Sĩ Liên (NXB Khoa học Xã hội, tập 1, Hà Nội, 1967, tr. 259-274), để "tìm hiểu" công chúa Từ Hoa và cha nàng.

Vua Lý Thần Tông, tên là Dương Hoán, con Sùng-hiền hầu, sinh năm 1116. Năm 2 tuổi được bác là vua Lý Nhân Tông đem vào nuôi trong cung, lập làm hoàng thái tử. Năm 1127 vua Nhân Tông băng, Dương Hoán lên nối ngôi, lấy hiệu là Lý Thần Tông (vua được 12 tuổi ta). Lên trị vì, vua tự thấy rằng "Trẫm còn trẻ thơ, nối nghiệp lớn của tiên thánh, mà thiên hạ yên tĩnh, trong cõi sợ uy, đều là nhờ sức của các khanh, các khanh nên cẩn thận chức vụ, chớ có lười biếng, để giúp trẫm những chỗ thiếu sót".

Năm 1130 (vua được 15 tuổi), xuống chiếu rằng con gái các quan không được lấy chồng trước, đợi sau khi chọn sung vào hậu cung, người nào không trúng tuyển mới được lấy chồng!

Sứ thần Lê văn Hưu can đảm nhận xét rằng: "Trời sinh ra dân mà đặt vua để chăn nuôi, không phải để cho vua tự phụng. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có vợ có chồng (...). Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan phải đợi thi tuyển vào cung không trúng rồi mới được lấy chồng thì là tự phụng cho mình, có phải là lòng làm cha mẹ dân đâu?".

Phải chăng nhờ "chính sách kiểm duyệt" này mà vua cứ tha hồ "vùng vẫy trên lưng ngựa" đến nỗi năm 1136 mắc bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi, thân mang ác tật. Có sách ghi rằng vua bị bệnh "hóa hổ". May được "Lý triều quốc sư" Nguyễn Minh Không chữa khỏi.

Vua Lý Thần Tông chết năm 1138, thọ 23 tuổi.

Ông vua trẻ này "quá ưa thích điềm lành vật lạ, sùng thượng đạo Phật, chẳng đáng quý gì".

Vua có 5 người con

- Hoàng thứ trưởng tử Thiên Lộc sinh năm 1132, sau phong làm Minh Đạo Vương.

- Hoàng trưởng nữ sinh rồi chết (cùng năm 1132). Ngô Sĩ Liên không ghi tên là gì. Theo tục xưa thì đứa bé con đầy tháng hoặc đầy năm mới được đặt tên. Ta có thể đoán là hoàng trưởng nữ sống chưa được một tháng hoặc một năm.

- Hoàng trưởng tử Thiên Tộ sinh năm 1136

- Hoàng tử thứ ba sinh năm 1137

- Hoàng nữ thứ hai sinh cùng năm 1137, sau phong làm Thụy Thiên công chúa.

Tôi ngạc nhiên và ... thất vọng, không thấy bóng dáng công chúa Từ Hoa. Rõ ràng một bên là "ba mặt một lời", một bên là sử gia Ngô Sĩ Liên.

Có thể nào có sự nhầm lẫn công chúa Từ Hoa với hoàng trưởng nữ hoặc công chúa Thụy Thiên không? Chắc là không vì tính đến năm cha chết (1138), Thụy Thiên được 2 tuổi, hoàng trưởng nữ cho dù có sống lại cũng mới được 7 tuổi. Một công chúa 2 tuổi, hoặc 7 tuổi, mà đã "nặng nề xin vua cha ra ở trại ngoài" để chăn tằm với dân nghèo, hoặc đi tu, quả là một điều khó tin.

"Cái nền nhà cũ, nơi công chúa Từ Hoa, con gái Lý Thần Tông ra đời" cũng đặt cho chúng ta một dấu hỏi lớn. Tuy sử không nói ra nhưng ai cũng hiểu rằng vua gặp gỡ các cung phi ở trong cung thành. Và các hoàng tử, công chúa đều được sinh ra trong cung. Địa điểm chùa Kim Liên (hoặc cung Từ Hoa) nằm ngoài kinh thành nhà Lý. Như vậy lại phải đưa ra thêm một giả thuyết là mẹ của công chúa Từ Hoa bị hất hủi, bị đuổi ra ngoài cung thành. Mẹ phạm lỗi gì đó để bị đuổi thì con đẻ ra chắc chắn không được gọi là công chúa.

Vì vậy mà tôi nghĩ rằng, cả ba ý kiến cho rằng chùa Kim Liên bây giờ, trước kia là cái nền nhà cũ nơi công chúa Từ Hoa ra đời, hoặc là chỗ công chúa Từ Hoa chăn tằm, hoặc là chỗ công chúa Từ Hoa ra tu, đều đáng nghi ngờ.

Chùa Mía - ngôi chùa cổ trên vùng đất cổ

Làng cổ Đường Lâm, Sơn Tây là nơi thu hút không ít nhiếp ảnh gia, đạo diễn, các nhà quay phim và nhiều học giả. Không chỉ có truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời, đây còn là mảnh đất du lịch rất đẹp. Đặc biệt, Đường Lâm có chùa Mía ẩn mình trong sương sớm, nơi để con người chìm vào thế giới thâm nghiêm, tạm quên đi cuộc sống ồn ào, vội vã.

Không giống như nhiều ngôi chùa khác, chùa Mía vào mùa xuân không ồn ào hay nghi ngút khói hương mà vẫn yên tĩnh, trang nghiêm.

Chùa Mía tọa lạc trên mảnh đất xứ Đoài giàu truyền thống, nơi hội tụ quần thể di tích gồm nhiều đền chùa, miếu mạo, phản ánh quá trình xây dựng và gìn giữ một vùng đất giàu truyền thống lịch sử. Chùa Mía tên hiệu là “Sùng Nghiêm Tự”, nằm trên vùng đồi của làng Đông Xàng (xã Đường Lâm, thành phố Sơn Tây), cách Hà Nội gần 50 cây số về phía tây. Đường Lâm là một điển hình làng cổ Việt Nam, vừa được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Nơi đây vẫn còn cây đa, bến nước, sân đình, những ngôi nhà đồ rợ tường đá ong kiên cố, như chẳng hề có vết tích thời gian.

Thế kỷ XVII, chùa bị hư hỏng, điêu tàn đổ nát. Năm 1632, Cung phi Nguyễn Thị Ngọc Dung đã đứng ra khuyến mộ thiện nam tín nữ các làng Đông Xàng, Mông Phụ, Cam Thịnh, Cam Toàn... các làng thuộc Tổng Mía cùng tôn tạo lại. Cung phi Ngọc Dung còn gọi là Ngô Thị Ngọc Diệu, là phi tần trong phủ chúa Trịnh Tráng (1623-1657) vốn là người làng Nam Nguyễn (Nam An). Nhân dân trong vùng mến mộ uy đức của bà, đã tạc tượng đem thờ ở chùa. Người dân nơi đây tôn sùng bà là “Bà Chúa Mía”. Về sau, Chùa được tu bổ nhiều lần, nhưng đến nay từ quy mô đến kiến trúc của chùa vẫn được giữ gần như nguyên vẹn. Tấm bia dưới gác chuông ghi năm Vĩnh Tộ thứ ba (1621) nói về việc lập chùa.

Ngày nay, con đường đi vào chùa Mía đã được xây đắp lại, đẹp và sạch sẽ hơn. Từ trung tâm thành phố Sơn Tây, đi khoảng 5 cây số là đến cổng chùa. Từ đây đi thêm một quãng nữa, du khách sẽ đi qua chợ Mía, ngôi chợ nhỏ, để người dân buôn bán nông sản.

Ghé vào quán của một cụ bà, ngắm công tam quan đơn giản, mộc mạc được tán cây đa già che chở, hẳn nhiều người đều có cảm giác dường như mảnh đất này không hề chịu tác động từ thế giới bên ngoài. Chùa Mía giản dị ngay từ cái nhìn đầu tiên, để du khách khi bước vào mới thấy vẻ đẹp này mấy nơi có được. Chùa Mía không ồn ào bởi nhiều dịch vụ trong cúng lễ như ở các đền chùa khác, không sơn son thếp vàng như những ngôi chùa phương Nam, đặc biệt là có một số lượng lớn tượng cổ.

Cấu trúc chùa Mía gồm các tòa tam quan, chính điện, thượng điện, nhà tổ, hành lang san sát, nối kè nhau theo hình chữ Mục. Bước qua cổng Tam quan, nhìn sang bên phải, du khách sẽ nhìn thấy cây đa cổ, gốc to khít vòng tay mấy người ôm, rễ cây rắn chắc nổi lên trên mặt đất. Đối đỉnh với ngọn đa già là tòa bảo tháp cử phẩm Liên hoa. Tòa tháp này mới được xây dựng để thờ vọng Xá lợi Phật. Đây cũng là ngọn Tháp bút, Kính thiên, được coi là trấn giữ cho mạch âm của làng quê được an lành và phát triển. Đi vào bên trong là khu nội điện gồm tiền đường, đại hùng, bảo điện, thượng điện được cấu trúc theo kiểu “Nội công ngoại quốc” rất bề thế.

Thắp hương ở đền chính rồi cứ thế men theo những hành lang nối dài, ban thờ này nối tiếp ban thờ kia, không bao giờ phải quay lưng lại ban thờ nào. Cảm giác uy nghiêm, bao bọc linh thiêng của chốn Phật đường, dễ dàng tạo cảm giác yên bình, tĩnh tại. Phía trái tiền đường có một tấm bia cao ngang đầu người đặt lên lưng một con rùa đá lớn, có niên đại từ thời Đức Long năm thứ 6 (1632) đời Lê. Tấm bia ghi lại công trạng của Bà Chúa Mía đã dựng chùa ra sao. Tấm bia được coi là to lớn và cổ xưa nhất còn lưu giữ đến ngày nay.

Tháng 5-2006, Thành hội Phật giáo TP.HCM kết hợp với Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam công bố 10 kỷ lục văn hóa Phật giáo Việt Nam, trong đó có Chùa Mía là nơi lưu giữ nhiều tượng nghệ thuật nhất Việt Nam. Ở đây có đến 287 pho tượng thờ, trong đó có 174 tượng bằng đất nung sơn son thếp vàng, 107 tượng mộc và sáu pho tượng bằng đồng.

Những pho tượng nổi tiếng là tác phẩm điêu khắc sinh động như: tượng Tuyết Sơn, tượng Di Lặc, tượng Bát Bộ Kim Cương... Tượng Tuyết Sơn cao 0,76m, không to lớn và nổi tiếng như tượng Tuyết Sơn ở chùa Tây Phương, nhưng cũng được điêu khắc, chạm trổ rất tinh xảo. Tám pho tượng làm bằng đất nung ở tòa thượng điện lại đặc biệt nổi bật với hình khối, bố cục vững chắc, thân hình khỏe khoắn, hài hòa, thể hiện con mắt và bàn tay tinh xảo của những nghệ nhân xưa.

Trái với những đường nét chạm khắc đầy oai nghiêm trên bức tượng Bát Bộ Kim Cương là tượng Quan Âm Thị Kính với những đường nét mềm mại, uyển chuyển và tinh xảo. Tượng miêu tả một người phụ nữ thủy mì, gương mặt phúc hậu, bệ đỡ nhỏ bụi bặm, kháu khỉnh. Người dân làng Mía đã tự hào với pho tượng Quan Âm Thị Kính trong chùa mà sáng tác câu thơ:

Nổi danh chùa Mía nhà ta
Có pho tổng tử Phật Bà Quan Âm

Chùa Mía không rộng và đông đúc khách thập phương đến viếng như chùa Tây Phương, chùa Hương hay những ngôi chùa nổi tiếng khác. Ghé thăm chùa vào những ngày đầu xuân, vẫn thấy chùa yên tĩnh, cổ kính như ngày thường. Khách viếng chùa không ồn ào, chen chúc. Khói hương không nghi ngút, thoảng trong không gian tĩnh mịch là tiếng chuông chùa văng vẳng. Người dân ở đây hiền lành quá, chẳng ai dám phá vỡ khung cảnh tĩnh mịch của ngôi chùa cổ linh thiêng.

Từ chùa Mía, du khách đi bộ khoảng 300m là tới một ngôi đền mà các cụ bán hàng trước cổng gọi là đền Mẫu. Người dân đi lễ chùa Mía ngày xuân thường sang đây xin một quẻ thẻ đầu năm lấy may, rồi xin bảng thẻ theo số quẻ thẻ rút được. Không có thầy giải quẻ, nhưng ai nấy đều tự luận bảng giải, cũng là niềm tin tưởng về một năm nhiều tài lộc, may mắn.

Chùa Nôm, Ngôi chùa ở làng Nôm cổ kính

Quần thể di tích làng Nôm có những ngôi nhà cổ, có chợ Nôm, Cầu Nôm, đình Tam Giang và đặc biệt là Chùa Nôm – nơi bảo tồn gần như nguyên vẹn hơn 100 pho tượng cổ.

Tiếng ve râm ran giữa ngày hè oi ả như bản hoà tấu của thiên nhiên trong khu vườn chùa xanh đậm bóng cây cổ thụ. Chùa Nôm, tên tự là “Linh thông cổ tự” ngự ở làng Nôm, xã Đại Đồng (huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) thuộc thiền phái Lâm Tế. Chùa trước đây là ngôi đại tự hoành tráng thuộc miền Kinh Bắc, nay là Hưng Yên. Theo truyền thuyết thì xưa kia Chùa Nôm được xây giữa rừng thông cổ thụ. Phải chăng sự linh thiêng của ngôi chùa, cũng như của đạo Phật, cộng với sự tốt tươi của ngàn thông trên mảnh đất này, mà có tên “Linh thông cổ tự”.

Chùa nằm trong một quần thể di tích lịch sử gắn liền với quá trình thành lập làng Nôm. Đó là đình Tam Giang thờ vị tướng thời Hai Bà Trưng. Đó là cây cầu đá gồm 9 nhịp đầu rồng đã mấy trăm năm nay soi bóng xuống dòng sông Nguyệt Đức, nâng bước chân thiện nam tín nữ đến với chùa. Đó là làng nghề đúc đồng truyền thống nên trước cổng chùa từ xưa đã trở thành nơi họp chợ mua bán các nguyên liệu phục vụ làng nghề. Người dân ở đây vẫn lưu truyền câu ca: “Đồng nát thì về cầu Nôm. Con gái nỏ mồm về ở với cha”.

Chùa Nôm được xây dựng từ bao giờ không ai còn nhớ. Hiện nay chùa còn bảo tồn được hai tấm bia lớn đặt sau hậu cung ghi lại những tư liệu vô cùng quý báu: Thời Hậu Lê, đời Chính Hoà, năm Canh Thân (1680) sau khi lên ngôi, nhà vua đã cho xây dựng lại chùa này. Tiếp theo vào các năm Nhâm Thân (1692), Giáp Tuất (1694), Đinh Sửu (1697), Mậu Dần (1698), Kỷ Mão (1699) tiếp tục tu sửa lại tiền đường, Hậu cung và hành lang. Năm Chính Hoà thứ 21 (1700) chùa được sửa lại các cột trụ, tạo thêm tượng, mở rộng sân chùa. Năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1796) chùa xây thêm gác chuông và mở rộng hai dãy hàng lang. Thời nhà Nguyễn, đời vua Thành Thái năm thứ 11 (1899) chùa Nôm lại được trùng tu thêm một lần nữa. 100 năm sau lần trùng tu này, qua bao biến đổi thăng trầm của lịch sử cũng như sự phá huỷ của thiên nhiên bão tố, Chùa bị xuống cấp nghiêm trọng. Tháng 9/1998, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam bổ nhiệm đại đức Thích Đồng Huệ về trụ trì tại chùa. Từ đó đến nay, đại đức đã cùng Chính quyền, đoàn thể và nhân dân xây dựng lại ngôi chùa ngày càng khang trang, phù hợp với cảnh quan và quần thể di tích tại ngôi làng cổ. Ngày ngày các cụ cao tuổi vẫn cắt phiên nhau đến làm những công việc nhà chùa. Bà Trịnh Thị Loan, 71 tuổi, một vài chùa kể: “Tất cả chúng tôi từ già đến trẻ khi ra lao động cho nhà chùa đều rất phấn khởi. Hàng ngày tôi ra chùa để có công việc gì như làm cỏ vườn, dọn dẹp, sắp lễ thì tôi cũng loan báo cho các Phật tử ở 11 thôn đến để lao động. Ngoài ở các thôn trong xã còn có khoảng 300 Phật tử thập phương nữa cũng năng đến giúp nhà chùa”.

Một trong những thành công của hoạt động xây dựng nếp sống văn minh nơi thừa tự là việc nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ, tôn tạo di tích. Phát huy sức mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ di tích, Chùa Nôm đã dần dần được trùng tu trở thành một ngôi chùa có vẻ đẹp hấp dẫn mang đặc trưng của vùng châu thổ Sông Hồng. Ngày 11 – 1 chùa khánh thành nhà Khánh đường. Ngày 19/2 năm Kỷ Mão: Yên vị tượng Phật bà Quan Âm trước cổng chính điện. Ngày 20/7 năm Canh Thìn 2000 khánh thành tổ đường. Đầu năm nay, chùa tiếp tục khánh thành lầu Quan Âm xây dựng trên hồ nước cạnh chùa.

Quần thể di tích làng Nôm cổ kính có những ngôi nhà cổ, có chợ Nôm, Cầu Nôm, đình Tam Giang và đặc biệt là Chùa Nôm – nơi bảo tồn gần như nguyên vẹn hơn 100 pho tượng cổ. Đây chính là một quần thể di tích lịch sử văn hoá có các yếu tố cơ bản tạo thành một làng quê tiêu biểu của Việt Nam. Ngày 12/2/1994, Bộ Văn hoá thông tin đã cấp bằng công nhận Di tích lịch sử văn hoá cho quần thể di tích này. Để tôn vinh vẻ đẹp của quần thể di tích này, vừa tạo nơi cho người dân thư giãn văn cảnh Phật, nhà chùa đang có ý tưởng thiết kế dự án mở rộng tôn tạo khu vực vườn chùa. Đại Đức Thích Đồng Huệ nói: “Theo ý tưởng của nhà chùa thì phải có thêm một mẫu đất trồng tre và trồng trúc, thêm một mẫu đất để trồng cây sấu cổ thụ để khách đi lễ mát mẻ hơn và xa xa thì có lầu hóng mát. Trên lầu đó có một quyền kinh nói về Phật giáo và các sách nói về nét văn hoá của Việt Nam. Chùa này sát sông Nguyệt Đức, có thể sau này sẽ xây dựng một tháp cao 54 mét để làm bảo tháp. Sau bảo tháp đây có thể xây dựng một trại dưỡng lão để đón các cụ già cơ nhỡ hoặc các cụ muốn đến vui cảnh Phật”.

Ý tưởng của nhà chùa cũng tìm được tiếng nói chung của những người làm công tác văn hoá. Ông Đỗ Danh Phương, trưởng phòng văn hoá thông tin huyện Văn lâm nói: “Tôi thấy ý tưởng của nhà chùa rất tốt. Vì ngoài đi lễ, người dân có thể thưởng thức văn hoá, thấy được vẻ đẹp của làng quê đồng bằng Bắc Bộ rất đặc trưng, có hệ thống di tích chùa chiền, cầu đá, rừng tre và trại dưỡng lão. Nếu làm được như thế tôi cho rằng rất tuyệt vời”.

Giữ gìn những di sản văn hoá bằng cách phát huy sức mạnh xã hội hoá là cách làm của chùa Nôm để góp phần tôn vinh vẻ đẹp của khu làng Nôm cổ kính và tạo thêm môi trường thưởng thức văn hoá cho người dân quê cùng với khách thập phương

4. Chùa Một Cột: Ngôi chùa cổ giữa lòng thủ đô

Chùa Một Cột nằm trong quần thể chùa Diên Hựu trên đất thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía Tây hoàng thành Thăng Long thời Lý, nay thuộc phố chùa Một Cột, quận Ba Đình - Hà Nội.

Nổi tiếng về sự linh thiêng...

Chùa Một Cột có tên chữ là Diên Hựu (phúc lành dài lâu), theo sử sách, chùa được xây dựng vào năm 1049 thời vua Lý Thái Tông: "Mùa đông tháng 10 dựng chùa Diên Hựu. Trước đây vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên toà sen, dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy vua nói với bề tôi, có người cho là điềm không lành. Sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất, làm toà sen của Phật Quan Âm như đã thấy ở trong mộng. Khi chùa khánh thành, các Sư chay đàn, tụng kinh cầu nhà vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu".

Hàng năm cứ đến ngày mừng 8 tháng tư âm lịch, nhà vua lại đến chùa làm lễ tắm Phật. Các nhà sư và nhân dân kinh thành Thăng Long cùng dự lễ. Sau lễ tắm Phật là lễ phóng sinh, vua đứng trên một đài cao trước chùa thả một con chim bay đi, rồi nhân dân cùng tung chim bay theo trong tiếng reo vui của một ngày hội.

Đời Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ Chiêu Thánh 5 (1080) vua cho đúc chuông lớn để treo ở chùa gọi là "Giác Thế chung" (chuông thức tỉnh người đời) và một toà phượng đình bằng đá xanh cao 8 trượng, nhưng vì chuông quá nặng không sao treo lên được, phải để dưới đất nên đánh không kêu. Chỗ ruộng để chuông thấp, có nhiều rùa đến ở, được gọi là ruộng Quy Điền và quả chuông cũng được gọi là chuông Quy Điền. Khi quân Minh bị bao vây ở Đông Quan, hết quân khí, Vương Thông đã cho phá quả chuông này để đúc súng đạn. Sau khi Lê Lợi đem nghĩa quân Lam Sơn đánh tan quân Minh, đất nước được hưởng nê thái bình thịnh trị, chuông Quy Điền cũng không còn nữa.

Với lịch sử gần 1000 năm chùa Một Cột được coi là Quốc tự và là một nơi rất linh thiêng. Tương truyền rằng khi Lý Thánh Tông chưa có Hoàng tử, thường đến đó cầu nguyện. Một đêm, Vua nằm mộng thấy Phật Quan Âm mời lên lầu ngai, ôm một đứa bé đặt vào lòng vua. Tháng đó Hoàng hậu có mang hoàng tử. Đến nay vào những dịp lễ Tết hay ngày Rằm, mừng Một chùa vẫn đón nhiều khách thập phương đến cầu nguyện và thăm quan.

...và kiến trúc độc đáo

Nói đến chùa Một Cột ngoài ý nghĩa tâm linh ta thì ta không thể không nói đến kiến trúc độc đáo của quần thể khu di tích này. Đây là một công trình kiến trúc sáng tạo kết hợp không gian kiến trúc có nhịp điệu cao thấp gồm điêu khắc đá, hội họa, chạm vẽ hành lang, mặt nước là biểu tượng văn hoá, nghệ thuật cao, tính dân tộc đậm nét. Chùa đã bị huỷ hoại, xây dựng lại nhỏ hơn so với nguyên mẫu, nhắc lại ở đây một thời đã có một cụm kiến trúc độc đáo.

Chùa xây chỉ có một gian gọi là Liên Hoa Đài (đài hoa sen), ta quen gọi là chùa Một Cột có hình vuông mỗi chiều 3m, mái cong dựng trên cột đá hình trụ cao 4m (chưa kể phần chìm dưới đất) có đường kính là 1,2m. Trụ đá gồm 2 khối, gắn rất khéo, thoát nhìn như một khối đá liền. Sự độc đáo của kiến trúc chùa Một Cột là toàn bộ ngôi chùa được đặt trên một cột đá.

Ở đây có sự kết hợp táo bạo của trí tưởng tượng lãng mạn đầy thi vị qua hình tượng hoa sen và những giải pháp hoàn hảo về kết cấu kiến trúc gỗ bằng hệ thống móng giằng, đặc biệt là sử dụng các cột chống chéo lớn từ cột đến sàn, vừa tạo thế vững chắc, vừa mang lại hiệu quả thẩm mỹ như đường lượn của cánh sen, thiếp lập sự hài hoà giữa mái và sàn bởi một đối xứng ảo.

Cùng với ao hình vuông phía dưới có thể là biểu tượng cho đất (trời tròn, đất vuông), ngôi chùa như vươn lên cái ý niệm cao cả: Lòng nhân ái soi tỏ thế gian. Khối kiến trúc gỗ đá được phù trợ bởi cảnh quan, có ao, có cây cối đã tạo nên sự gần gũi, tinh khiết mà vẫn thanh lịch. Cảm giác thanh cao của kiến trúc như

chia xẻ, hoà đồng với trời nước, và màu xanh của cây lá khiến con người rũ sạch ưu phiền, đạt tới sự trong sáng của tâm hồn.

Vào ngày 4 tháng 5 năm 2006 chùa Một Cột được ghi vào sách kỷ lục Guinness Việt Nam với danh hiệu “Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất Việt Nam”. Theo nhiều khách thập phương đến cầu phúc và thăm quan, nhất là những du khách nước ngoài họ rất ấn tượng với kiến trúc của quần thể di tích có một không hai này.

Chùa Một Cột gắn liền với lịch sử của thủ đô Hà Nội, và từ lâu chùa Một Cột cũng là biểu tượng của đất Thăng Long ngàn năm văn vật. Quần thể di tích chùa Diên Hựu nằm trong khu di tích Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh – nơi thu hút rất nhiều du khách gần xa đến tham quan, đây cũng là một điều kiện thuận lợi để thêm nhiều người biết đến ngôi chùa đặc biệt này. Thế hệ mai sau cần gìn giữ những di tích văn hóa mang ý nghĩa lịch sử bởi đây không chỉ đơn thuần là lưu giữ những kiến trúc cổ mà còn liên quan đến vấn đề tâm linh tôn giáo của cả một dân tộc.